

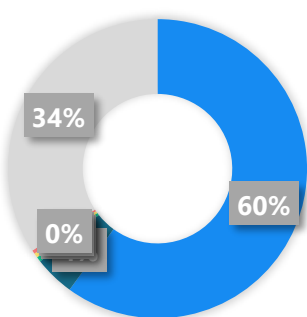
Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	8,700
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,679 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	94
Số lượng CPLH (CP)	10,777,838
KLGD BQ 20 phiên (CP)	535
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	0.53
EPS	896
P/E	9.7

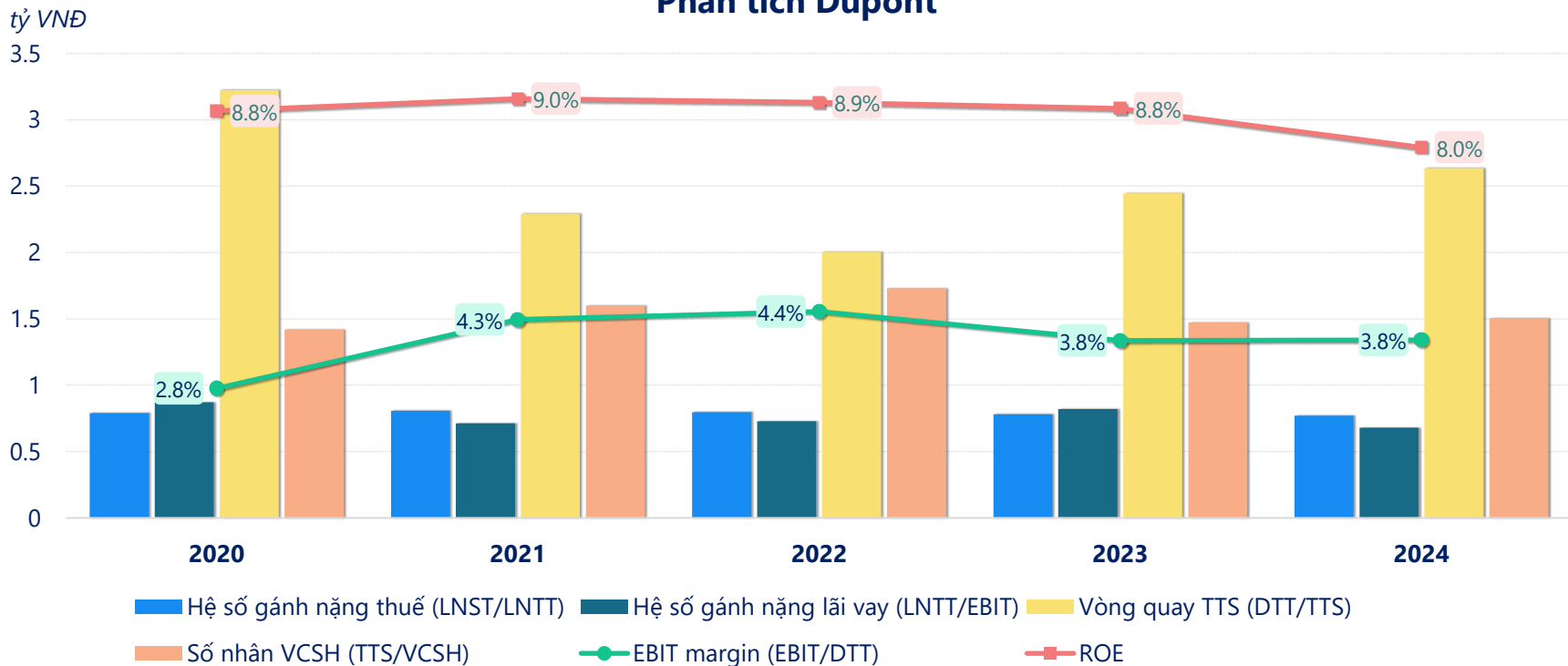
	YTD	1T	3T	6T
MCF		4.8%	0.0%	-5.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu cổ đông



■ Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - CTCP
■ Trần Xuân Hùng
■ Nguyễn Thị Muôn
■ Trần Thị Yến
■ Lê Văn Lộc
■ Khác

Phân tích Dupont



DT thuần

2024

480

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 36.0 | 8.2%

LN sau thuế

2024

9.65

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.25 | -11.1%

ROE

2024

8.0%

+/- YoY: ▼ 0.8%

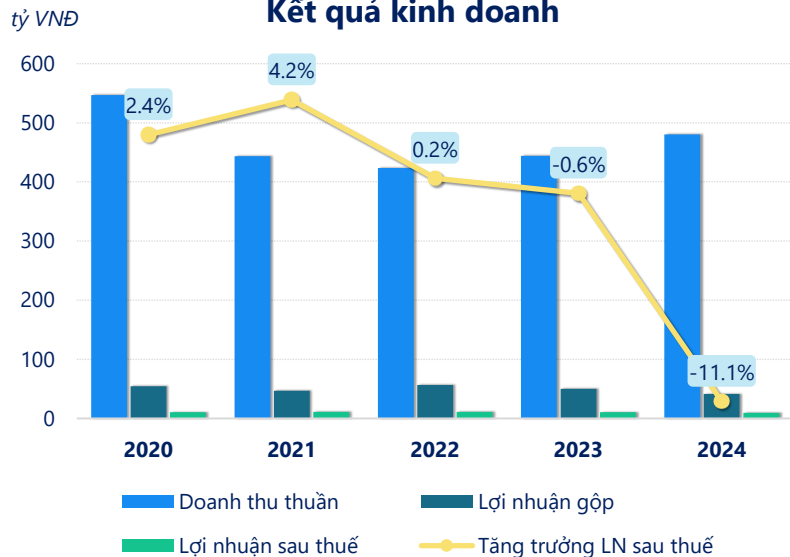
ROA

2024

5.3%

+/- YoY: ▼ 0.7%

Kết quả kinh doanh

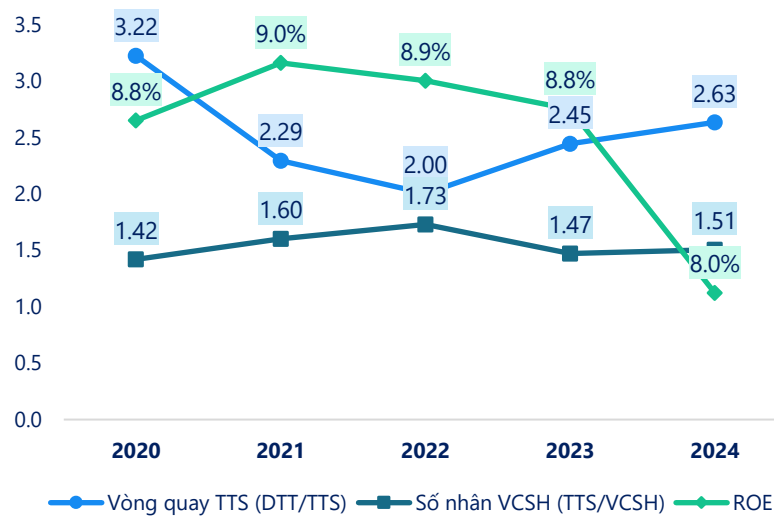


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **3.83%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.77**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.68**, **thấp hơn** so với năm trước là dấu hiệu cho thấy chi phí lãi vay đang tăng nhanh hơn so với lợi nhuận trước thuế.

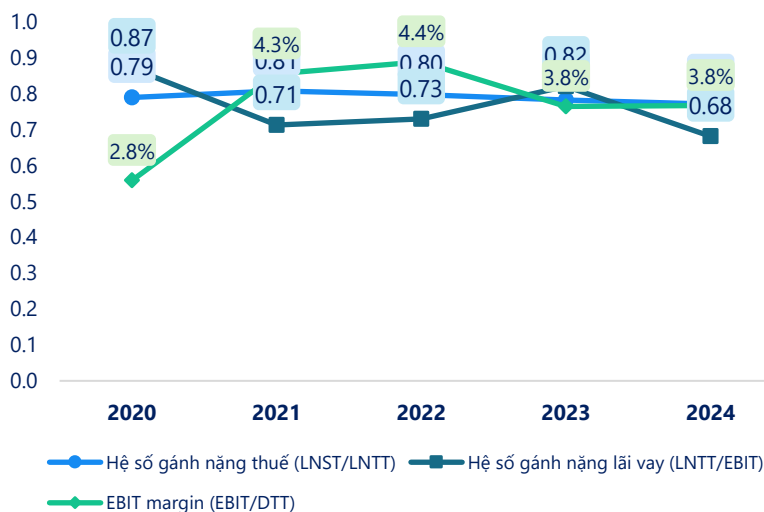
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **MCF** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **480.1** tỷ đồng **tăng 8.17%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 11.1%** chỉ còn **9.65** tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **7.98%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

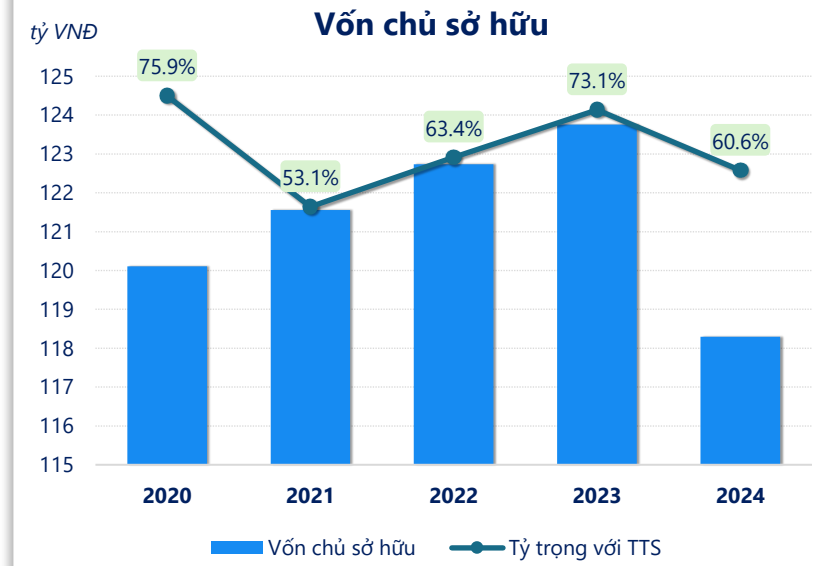
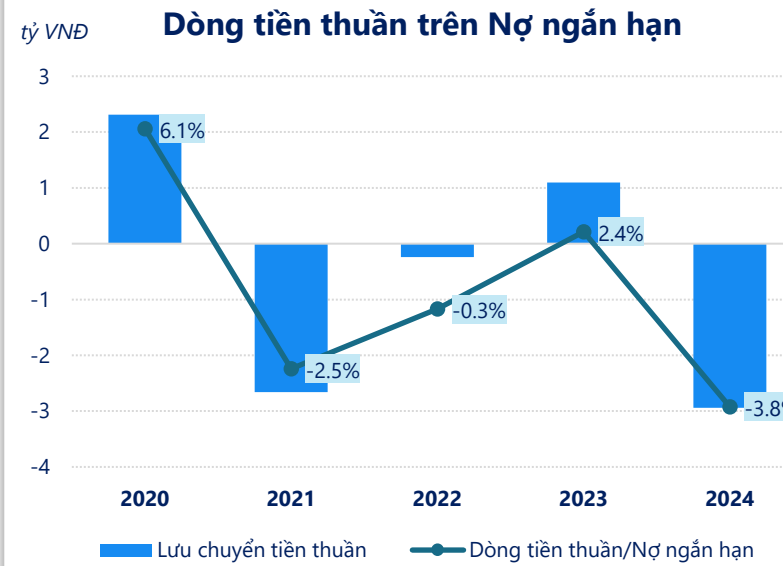
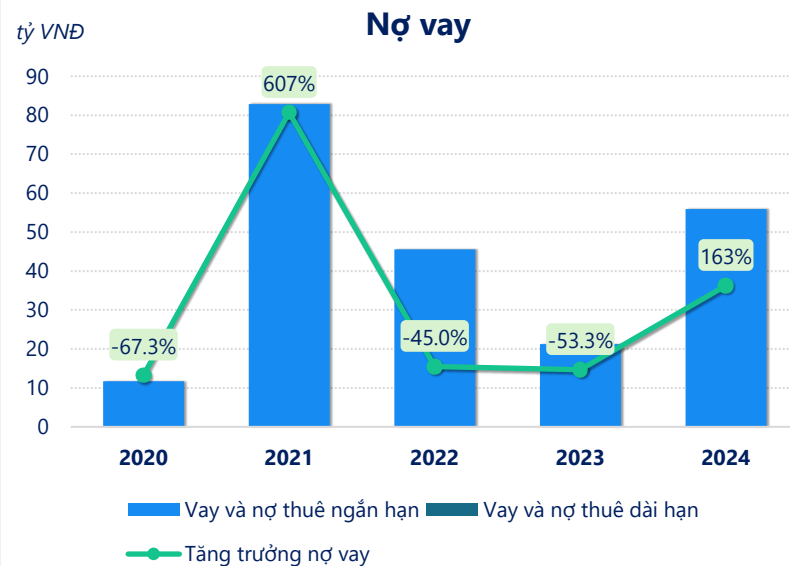
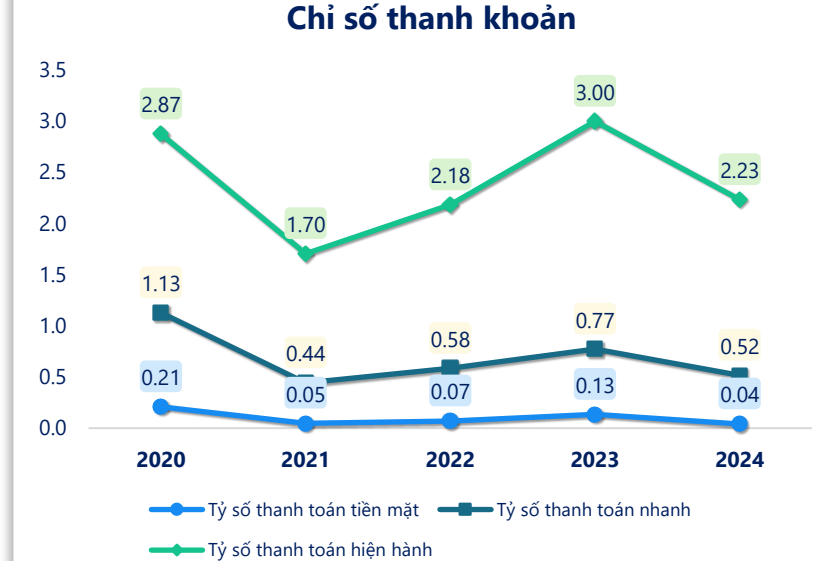
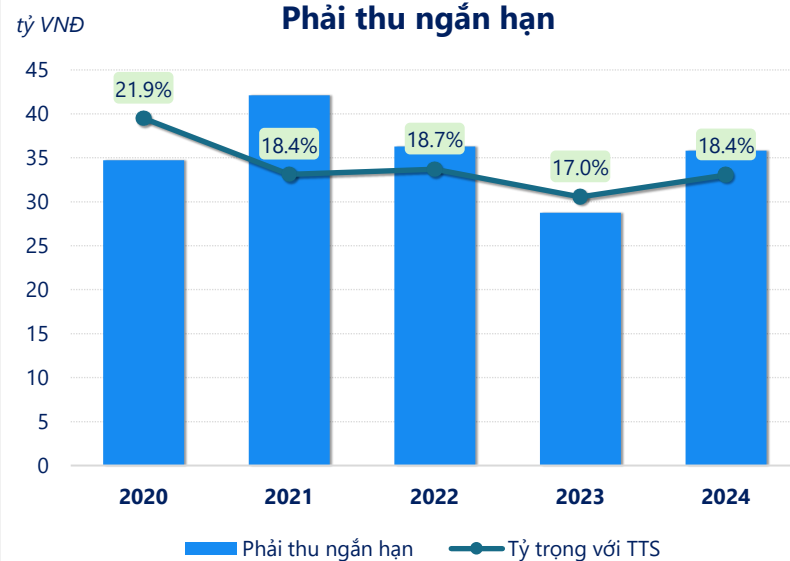
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **2.63**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **1.51** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	195	169	15.2%
Tài sản ngắn hạn	171	136	25.8%
Tiền và tương đương tiền	3.13	6.07	-48.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	35.8	28.7	24.6%
Hàng tồn kho	131	101	30.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.62	0.18	256%
Tài sản dài hạn	24.2	33.5	-27.6%
Phải thu dài hạn	0.54	0.39	38.9%
Tài sản cố định	23.6	28.4	-17.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.12	4.69	-97.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.8	45.6	68.6%
Nợ ngắn hạn	76.6	45.3	69.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.9	21.3	163%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9	7.84	64.8%
Nợ dài hạn	0.27	0.27	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	118	124	-4.4%
Vốn chủ sở hữu	118	124	-4.4%
Vốn điều lệ	108	108	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	547	444	423	444	480
Giá vốn hàng bán	492	397	367	394	439
Lợi nhuận gộp	54.6	47.0	56.5	50.1	41.3
Doanh thu HĐTC	0.33	0.17	0.62	0.60	1.00
Chi phí TC	2.11	5.57	5.40	3.26	6.00
Chi phí lãi vay	1.98	5.44	5.09	3.06	5.87
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.9	12.6	13.6	13.3	12.7
Chi phí QLDN	23.6	19.8	25.4	21.9	21.7
LN thuần từ HĐKD	11.4	9.25	12.8	12.2	1.93
Lợi nhuận khác	1.88	4.26	0.91	1.69	10.6
LN trước thuế	13.3	13.5	13.7	13.9	12.5
Lợi nhuận sau thuế	10.5	10.9	10.9	10.9	9.65
LNST của CĐ cty mẹ	10.5	10.9	10.9	10.9	9.65

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.3	-63.7	44.8	32.7	-23.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.53	-2.53	0.00	0.51	-1.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.5	63.6	-45.1	-32.1	21.7
Tiền đầu kỳ	5.56	7.88	5.22	4.97	6.07
Lưu chuyển tiền thuần	2.31	-2.66	-0.24	1.10	-2.94
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	7.88	5.22	4.97	6.07	3.13